

Số: 11 /TB-PNV

Mỹ Xuyên, ngày 28 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO
Công nhận kết quả trúng tuyển viên chức sự nghiệp công lập
huyện Mỹ Xuyên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 4952/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập huyện Mỹ Xuyên năm 2020;

Phòng Nội vụ thông báo các thí sinh có tên sau (theo danh sách đính kèm) trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập huyện Mỹ Xuyên năm 2020.

Đề nghị các thí sinh có tên trên đến Phòng Nội vụ huyện Mỹ Xuyên, địa chỉ: Số 03C, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định. Hồ sơ gồm:

1. Bản sao có chứng thực các văn bằng (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông), chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;
2. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Giấy chứng nhận sức khỏe có kết luận đầy đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định – trong thời hạn 30 ngày;
4. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có), đối với đối tượng ưu tiên là người dân tộc thiểu số thì nộp bản sao giấy khai sinh, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
5. Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; bản sao hợp đồng lao động và các Thông báo nâng lương (nếu có).

Lưu ý: Hồ sơ được đựng vào một phong bì riêng, bên ngoài bì đựng hồ sơ ghi rõ họ tên, thành phần hồ sơ, số điện thoại liên hệ.

Thời gian bổ sung hồ sơ từ ngày ra Thông báo đến **hết ngày 26/01/2021**.

Phòng Nội vụ trân trọng thông báo./.

Nơi nhận :

- Thí sinh có tên theo danh sách;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: PNV.



Ngô Thị Diên

DANH SÁCH TRUNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP HUYỆN MỸ XUYỀN NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 11 /TB-PNV ngày 28 /12/2020 của Phòng Nội vụ huyện Mỹ Xuyên)



STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
		Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo																
A		Vị trí việc làm giáo viên mầm non																
I.		Trường Mầm non 2-9 Đại Tâm					3											
1	002	Thạch Thị Mỹ Dung		08/3/1999	Khmer	Áp Tâm Kiên, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	50,5	5	55,5	đạt
2	006	Mai Nguyễn Thị Thủy Ngân		03/8/1998	Kinh	Xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		60,5		60,5	đạt
3	008	Liêu Thị Huyền Trang		05/5/1994	Khmer	Áp Bắc Dân, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	75,5	5	80,5	đạt
II.		Trường Mầm non Thạnh Phú					7											
1	012	Trương Như Hào		25/9/1996	Khmer	Áp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	61	5	66	đạt
2	013	Diệp Thị Mỹ Hiền		10/3/1997	Khmer	Áp Bưng Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	85	5	90	đạt
3	014	Lý Thị Thu Hồng		21/8/1996	Khmer	Áp Tâm Thọ, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	76,5	5	81,5	đạt
4	016	Đặng Thị Mỹ Ngọc		06/8/1996	Khmer	Áp Tam Sóc C2, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học (GCN)	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	80	5	85	đạt
5	017	Lý Thị Cẩm Nhung		03/7/1999	Khmer	Áp Tá Biên, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
6	019	Trần Thị Cẩm Vân		13/3/1995	Khmer	Ấp Đại Úi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	A	Dân tộc thiểu số	60	5	65	đạt
III.		Trường Mầm non Thạnh Quới					7											
1	020	Thạch Thị Si Buôi		03/12/1994	Khmer	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	A	Dân tộc thiểu số	70	5	75	đạt
2	023	Trần Nguyễn Thúy Mai		01/7/1998	Kinh	Ấp 2, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		60,5		60,5	đạt
3	024	Son Thị Hồng Nhi		15/9/1990	Khmer	Ấp Bung Thum, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt
4	025	Danh Thị Phương Quanh		22/10/1997	Khmer	Ấp Đại Úi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	60,5	5	65,5	đạt
5	026	Bùi Thị Trang		18/6/1991	Kinh	Ấp Phụng Sơn, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	A		55,5		55,5	đạt
6	028	Thạch Triệu Thảo Uyên		29/12/1997	Khmer	Quốc lộ 1A, khóm 2 phường 10, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65,5	5	70,5	đạt
7	029	Nguyễn Thị Ngọc Yển		16/01/1995	Kinh	Ấp Phú Thành, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A2	A		67		67	đạt
IV.		Trường Mầm non Gia Hòa 1					2											
1	030	Đặng Thị Cẩm Nang		24/5/1999	Kinh	Ấp Hòa Phường, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1 (GXN)	UDCN TT cơ bản		71		71	đạt

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
2	031	Nguyễn Thị Hồng Y		14/4/1993	Kinh	Ấp Thanh Bình, xã Thanh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	A	A		85,5		85,5	đạt
V.		Trường Mầm non Gia Hòa 2					1											
1	033	Bùi Thị Ngọc		05/9/1996	Kinh	Ấp An Hòa, xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		81,5		81,5	đạt
VI.		Trường Mầm non Hoa Hồng					2											
1	034	Lê Trần Bảo Trâm		11/7/1999	Kinh	Ấp Ngãi Phước, Thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		56		56	đạt
VII.		Trường Mầm non Ngọc Đông					3											
1	036	Đỗ Thị Ngọc Châm		19/10/1999	Kinh	Ấp Hòa Thọ, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		50,5		50,5	đạt
2	037	Lý Thị Bé Ngân		28/3/1999	Kinh	Ấp Sông Cái 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		50		50	đạt
3	038	Trần Anh Thư		01/02/1998	Kinh	Ấp Hòa Thọ, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		85,5		85,5	đạt
VIII.		Trường Mầm non Ngọc Tổ					1											
1	040	Nguyễn Thị Cẩm Tú		24/6/1999	Kinh	Ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tổ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		66		66	đạt
IX.		Trường Mầm non Tham Đôn					6											
1	043	Thạch Thị Xuân Mai		01/01/1993	Khmer	Ấp Tác Gồng, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
2	045	Thạch Thị Ái Nhi		15/6/1994	Khmer	Ấp Sô La 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	60	5	65	đạt
3	047	Ngô Thu Phương		17/4/1999	Kinh	Ấp Sông Cái 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		66,5		66,5	đạt
4	048	Trịnh Thị Bích Tiền		15/9/1994	Khmer	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt
5	049	Điền Thị Huyền Trân		18/4/1998	Khmer	Ấp Phnôcambôth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1 (GXN)	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	75	5	80	đạt
6	052	Nguyễn Thị Hải Yến		20/7/1990	Kinh	Ấp Long Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	A		60		60	đạt
X.		Trường Mẫu giáo Bông Sen					1											
1	054	Lâm Thị Hồng Loan		12/7/1998	Khmer	Ấp Trà Bết, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65,5	5	70,5	đạt
XI.		Trường Thực hành Sư phạm					4											
1	056	Huỳnh Phương Thảo Ngân		09/7/1999	Kinh	Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		71,5		71,5	đạt
2	057	Huỳnh Mộng Nghi		17/10/1995	Kinh	Ấp Hòa Đặng, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B		76		76	đạt
3	060	Liêu Phương Thảo		22/11/1985	Kinh	Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B	A		80		80	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
4	061	Liêu Phương Thúy		22/11/1985	Kinh	Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B		85,5		85,5	đạt
B		Vị trí việc làm giáo viên tiểu học																
		1) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học (dạy lớp)																
I		Trường TH Mỹ Xuyên 2					2											
1	063	Son Hoàng Mi		17/12/1995	Khmer	Ấp Bung Cà Pốt, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	57,5	5	62,5	đạt
II		Trường TH Đại Tâm 1					4											
1	064	Ngô Thị Tú Châm		27/10/1993	Khmer	Ấp Đại Úi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	A	Dân tộc thiểu số	90,5	5	95,5	đạt
III		Trường TH Thạnh Phú 1					3											
1	065	Lâm Thị Hồng Hạnh		31/12/1990	Khmer	Ấp Sóc Xoài, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	B	Dân tộc thiểu số	90,5	5	95,5	đạt
2	066	Trương Hồng Thới		18/10/1997	Khmer	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	85,5	5	90,5	đạt
3	067	Quách Thị Sà Vuôn		01/01/1992	Khmer	Ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	A	A	Dân tộc thiểu số	56,5	5	61,5	đạt
IV		Trường Thực hành Sư phạm					2											
1	068	Huỳnh Thị Thúy Hằng		29/7/1997	Kinh	Ấp 2, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	A		82		82	đạt
2	069	Nguyễn Thị Tú		26/02/1993	Kinh	Ấp Long An, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	UDCN TT nâng cao		86,5		86,5	đạt
		2) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học dạy môn Tin học																

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
I		Trường TH Thạnh Phú 3					1											
1	070	Trang Hữu Trường Duy	07/9/1993		Khmer	Ấp Sô La 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Toán - Tin học	A		Dân tộc thiểu số	64	5	69	đạt
II		Trường TH Thạnh Quới 1					1											
1	073	Trịnh Huy Thục	11/3/1990		Khmer	Ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Hệ thống thông tin	C		Dân tộc thiểu số	81	5	86	đạt
III		Trường TH Thạnh Quới 2					1											
1	074	Thạch Hồng Nhẫn	30/4/1991		Khmer	Ấp Châu Thành, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Tin học	A		Dân tộc thiểu số	64	5	69	đạt
IV		Trường TH Gia Hòa 2A					1											
1	075	Nguyễn Thị Kiều Mi		17/3/1994	Kinh	Ấp Mỹ Long, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Vật lý - Tin học	GCN tương đương A			70		70	đạt
		3) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học dạy môn Tiếng Anh																
I		Trường TH Thạnh Phú 3					1											
1	077	Lý Thị Ra Quy		04/01/1990	Khmer	Ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	B_tiếng Pháp	B	Dân tộc thiểu số	77,5	5	82,5	đạt
II		Trường TH Tham Đôn 2					1											
1	079	Thái Minh Tân	16/6/1991		Kinh	Ấp Thạnh Lợi, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	B_tiếng Nhật	B	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	67,5	5	72,5	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
		4) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học dạy môn Thể dục																
I		Trường Thực hành Sư phạm					1											
1	083	Hoàng Nhật Thanh	11/3/1991		Kinh	Khu dân cư Trần Hưng Đạo, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Thể dục thể thao; Thạc sĩ Giáo dục thể chất	B1	UDCN TT cơ bản		76,5		76,5	đạt
C		Vị trí việc làm giáo viên Trung học cơ sở																
		1) Giáo viên THCS dạy môn Địa lý																
I		Trường THCS Gia Hòa 2					1											
1	084	Đào Thị Bảo Trân		04/12/1994	Kinh	Áp Tam Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Địa lý	B	B		93		93	đạt
		2) Giáo viên THCS dạy môn Tiếng Anh																
II		Trường THCS Thạnh Phú					1											
1	085	Tiêu Ngọc Cẩm		05/9/1994	Hoa	Khóm 1, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	B_tiếng Pháp	A	Dân tộc thiểu số	93,5	5	98,5	đạt
III		Trường THCS Ngọc Tổ					1											
1	086	Nguyễn Thị Bé Thảo		25/11/1995	Kinh	Áp Kinh Mới, xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	B_tiếng Pháp	A		78		78	đạt
		3) Giáo viên THCS dạy môn Giáo dục công dân																
I		Trường THCS Ngọc Đông					1											
1	091	Nguyễn Thị Như Ý		26/11/1994	Kinh	Áp Hòa Nhờ A, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Giáo dục công dân	B	A		90,5		90,5	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
		4) Giáo viên THCS dạy môn tiếng Khmer																
I		Trường THCS Thạnh Phú					2											
1	094	Thạch Thị Ngọc Huynh		06/10/1993	Khmer	Ấp Khu II, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	C	A	Dân tộc thiểu số	89	5	94	đạt
2	096	Điền Kim Quang	08/11/1993		Khmer	Khóm Tâm Trung, phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	B	A	Dân tộc thiểu số	86	5	91	đạt
II		Trường THCS Thạnh Quới					1											
1	102	Thạch Thị Đình Đình		25/6/1993	Khmer	Ấp Cẩn Giờ 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	B	A	Dân tộc thiểu số	86	5	91	đạt
D		Vị trí việc làm nhân viên Văn thư																
I		Trường Mầm non Hòa Tú 1					1											
1	105	Bùi Thị Bảo Ngọc		15/7/1992	Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	01.005	Trung cấp	Hành chính Văn thư	B	A		54		54	đạt
II		Trường THCS Hòa Tú 1					1											
1	106	Nguyễn Thị Diệu		16/9/1991	Kinh	Ấp Hòa Lôi, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	01.005	Đại học	Ngữ văn và chứng chỉ văn thư	B	A		59,5		59,5	đạt
III		Trường Thực hành Sư phạm					1											
1	107	Trần Thị Thanh Trúc		11/10/1985	Hoa	607/33 quốc lộ 1, khóm 4, phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	01.005	Trung cấp	Thư ký văn phòng	B	A	Dân tộc thiểu số	50	5	55	đạt
E		Vị trí việc làm nhân viên Thư viện																
I		Trường TH Hòa Tú 1B					1											

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	108	Đặng Hoàng Kha	10/10/1973		Kinh	Ấp Hòa Phúông, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	V.10.02.07	Trung cấp	Thư viện	B1 (GXN)	A	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	54	5	59	đạt
		Đơn vị sự nghiệp huyện																
I		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên																
		1) Vị trí việc làm hành chính tổng hợp					1											
1	110	Quách Văn Phát	20/11/1982		Kinh	Ấp Khu I, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Thương mại dịch vụ	B	B		51,5		51,5	đạt
		2) Vị trí việc làm Đào tạo nghề, hướng nghiệp					1											
1	113	Phạm Thị Thúy Hồng		15/01/1992	Kinh	Ấp Sông Cái 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	A		65,5		65,5	đạt
II		Đài truyền thanh																
		1) Vị trí việc làm Biên dịch viên					1											
1	114	Lâm Thị Ngọc Huyền		16/12/1992	Khmer	Ấp Cắn Đước, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Biên dịch viên hạng III	V.11.03.09	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	B	A	Dân tộc thiểu số	64	5	69	đạt
III		Trung tâm Văn hóa - Thể thao																
		1) Vị trí việc làm Văn hóa, văn nghệ					1											

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	115	Châu Trường Hưng	02/9/1986		Kinh	Khóm Kinh Ven, phường Khánh Hòa, TX.Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng		Văn hóa, văn nghệ	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa	B	B		78,5		78,5	đạt
		2) Vị trí việc làm tuyển truyền lưu động					1											
1	120	Trinh Thị Minh Nguyệt		19/11/1996	Kinh	Ấp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Tuyển truyền viên chính	17.177	Đại học	Công tác xã hội	B	A		62		62	đạt
		3) Vị trí việc làm hành chính tổng hợp					1											
1	121	Danh Chí Phong	16/5/1991		Khmer	Khóm 3, phường 10, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B	Dân tộc thiểu số	68	5	73	đạt